

Ngày 31/03/2025	4,970 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	19.2%	16.4%	13.0%

2024	
ROE	2.0%
	+/- YoY ▲ 4.0%

Q1/25	
DT thuần	515
tỷ VNĐ	
	QoQ ▼ 163 ▼ 24.0%
	YoY ▲ 106 ▲ 26.0%

2024	
DT thuần	1,954
tỷ VNĐ	
	YoY ▲ 208 ▲ 11.9%

Q1/25	
LN gộp	127
tỷ VNĐ	
	QoQ ▲ 11.0 ▲ 9.1%
	YoY ▲ 33.2 ▲ 34.9%

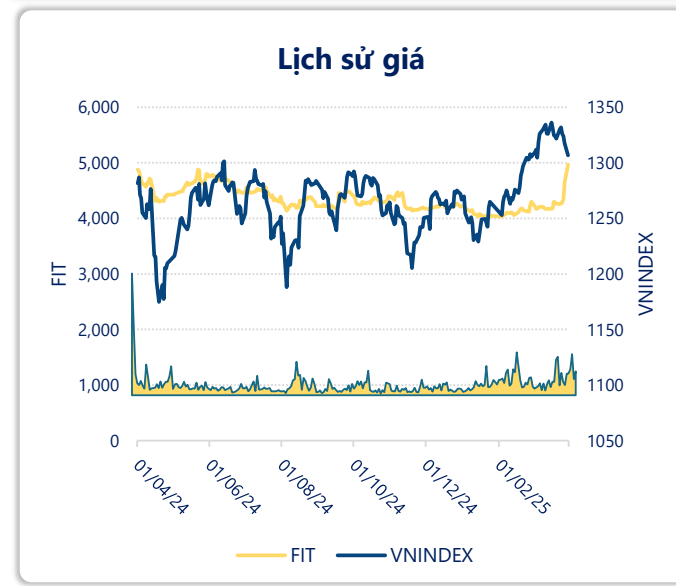
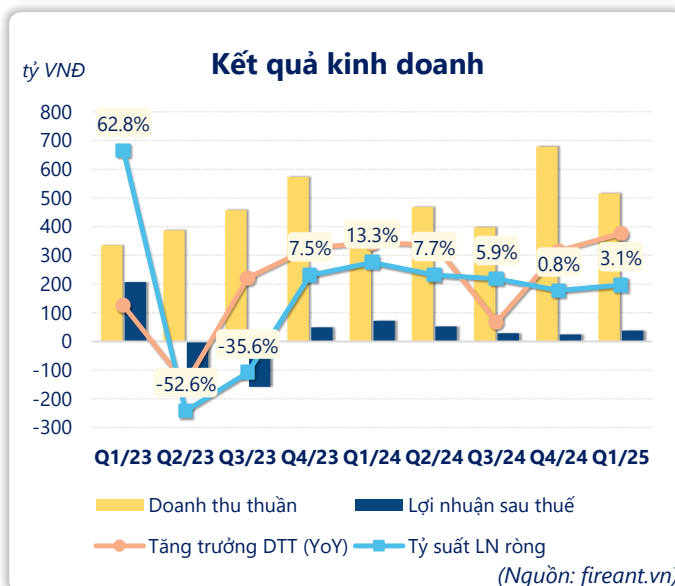
2024	
LN gộp	393
tỷ VNĐ	
	YoY ▲ 45.0 ▲ 12.8%

Q1/25	
LN thuần	64.0
tỷ VNĐ	
	QoQ ▲ 10.7 ▲ 20.1%
	YoY ▼ 19.7 ▼ 23.5%

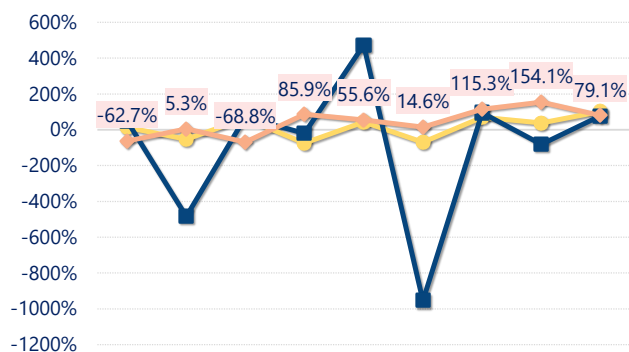
2024	
LN thuần	225
tỷ VNĐ	
	YoY ▲ 242 ▲ 1409%

Q1/25	
LN sau thuế	37.5
tỷ VNĐ	
	QoQ ▲ 13.4 ▲ 55.4%
	YoY ▼ 34.4 ▼ 47.9%

2024	
LN sau thuế	177
tỷ VNĐ	
	YoY ▲ 255 ▲ 327%



Tăng trưởng lợi nhuận

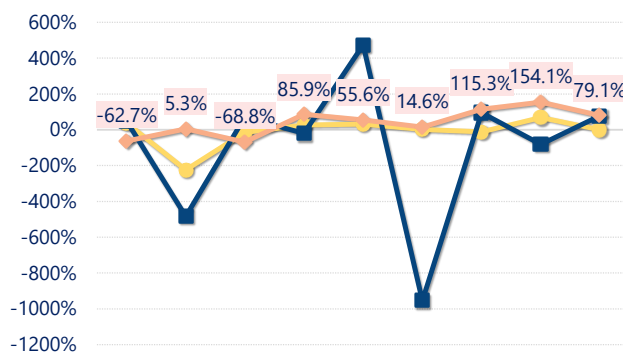


Q1/23 Q2/23 Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25

— Tăng trưởng LN thuần (YoY)
 — Tăng trưởng EBIT (YoY)
 — Tăng trưởng LN sau thuế (YoY)

(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng chi phí

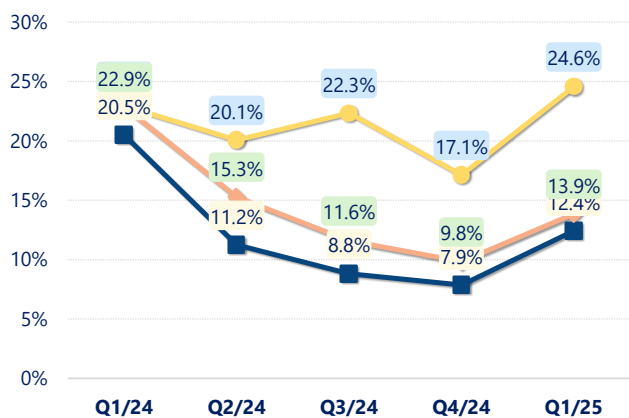


Q1/23 Q2/23 Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25

— Tăng trưởng CP lãi vay (YoY)
 — Tăng trưởng EBIT (YoY)
 — Tăng trưởng LN sau thuế (YoY)

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận

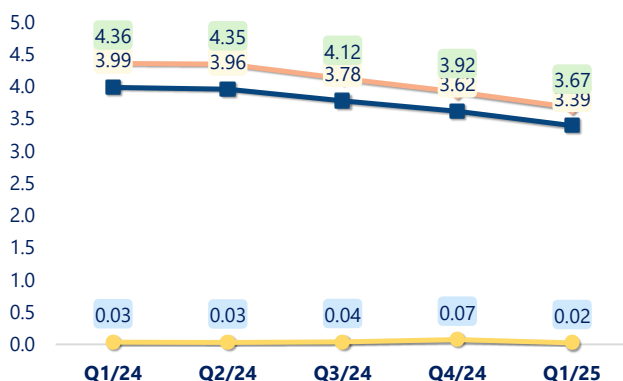


Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25

— Tỷ suất LN gộp
 — Tỷ suất LN thuần
 — Tỷ suất lãi EBIT

(Nguồn: fireant.vn)

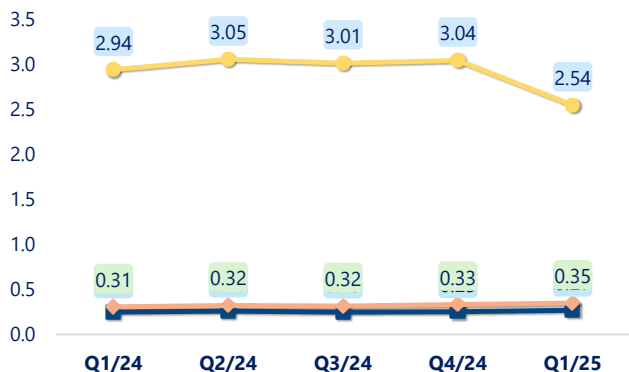
Chỉ số thanh khoản



— Tỷ số thanh toán tiền mặt
 — Tỷ số thanh toán nhanh
 — Tỷ số thanh toán hiện hành

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

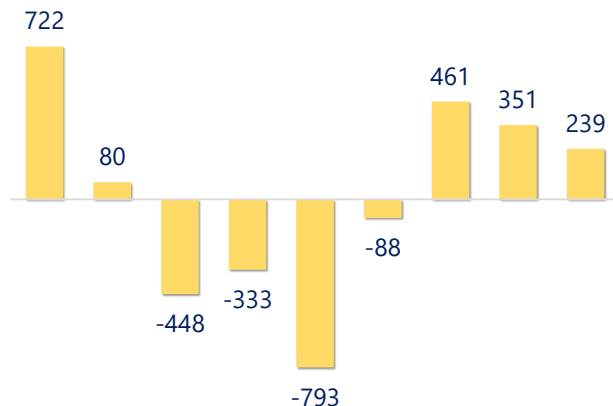


Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25

— Vòng quay TSCĐ
 — Vòng quay Tổng TS
 — Vòng quay VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

EPS



Q1/23 Q2/23 Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	515	409	26.0%	1,954	1,746	11.9%
Giá vốn hàng bán	389	315	23.4%	1,561	1,397	11.7%
Lợi nhuận gộp	127	93.8	34.9%	393	348	12.8%
Doanh thu HĐTC	48.2	81.6	-41.0%	250	225	11.2%
Chi phí TC	18.5	16.1	14.6%	55.1	257	-78.5%
Chi phí lãi vay	17.2	15.5	11.1%	50.3	68.8	-26.9%
LN trong công ty LKLD	-2.31	-2.29	-0.9%	-9.05	-12.3	26.2%
Chi phí bán hàng	34.3	26.9	27.7%	145	128	12.8%
Chi phí QLDN	55.6	46.4	19.9%	209	193	8.4%
LN thuần từ HĐKD	64.0	83.7	-23.5%	225	-17.2	1409%
Lợi nhuận khác	-9.84	-5.73	-71.7%	2.89	1.31	121%
LN trước thuế	54.2	78.0	-30.6%	228	-15.9	1535%
Lợi nhuận sau thuế	37.5	71.9	-47.9%	177	-77.6	327%
LNST của CĐ cty mẹ	16.2	54.2	-70.1%	119	-115	204%

(Nguồn: fireant.vn)

